

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2020, giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H;

Chỗ ở: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

2/ Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Trần Thị C, sinh ngày 23/9/2008;

- Cháu Trần Hữu T, sinh ngày 04/10/2013;

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H.

Chỗ ở: Thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật: Anh Trần Văn M và Chị Trần Thị B là bố mẹ đẻ của hai cháu.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/01/2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/01/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị B và anh Trần Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh Trần Văn M thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Trần Thị B và anh Trần Văn M thỏa thuận thống nhất giao Cháu Trần Thị C, sinh ngày 23/9/2008 cho Chị Trần Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Hữu T, sinh ngày 04/10/2013 cho anh Trần Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Hai bên đương sự thỏa thuận do mỗi người nuôi một cháu nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn anh M, chị B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung, gia đình anh M và gia đình chị B không ai được quyền cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Hai bên đương sự xác định vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Trần Thị B và anh Trần Văn M thỏa thuận thống nhất chị B tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003797 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, chị B đã nộp đủ án phí. Hoàn trả Chị Trần Thị B 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Phòng ktra NVXX và THAHS TAND tỉnh H;
- UBND xã Q (GCNKH số 16/2005);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q